

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HS-PT

Ngày: 05-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác: không) do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/01/1976, tại huyện B, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị C (Đã chết); bị cáo có vợ là Lò Thị B, sinh năm 1977 và có 02 người con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân tại Bản án số 03/HS-ST ngày 12/10/1995; bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2021 tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác là cán bộ Tòa án tại điểm cầu thành phần: Bà Nguyễn Kim P, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2017 - 2018, Lê Văn T từng có thời gian dạy lái xe ô tô cho nhiều người, hướng dẫn đăng ký hồ sơ rồi đưa những người đó xuống dự thi sát hạch tại Trung tâm sát hạch lái xe của Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy tại X - Hà Nội. T biết và làm quen với Lưu Bá D, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội thông qua số điện thoại đề trên biển quảng cáo. Qua trao đổi T biết D có thể giúp việc đăng ký hồ sơ và hướng dẫn thi lái xe cho những ai có nhu cầu. T đã liên hệ với D giúp được nhiều người khác dự thi và cấp giấy phép lái xe theo đúng quy định.

Khoảng tháng 4 năm 2020, Điều Chính B nhờ T, giúp B đi thi để lấy giấy phép lái xe hạng C. T và B thống nhất việc dạy lái, đăng ký hồ sơ dự thi và đưa đi thi tổng chi phí là 15.000.000 đồng, B đưa cho T ảnh, bản photo chứng minh nhân dân và số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng thì khi nào thi xong nhận giấy phép lái xe B sẽ trả. Tương tự như B, đến tháng 7 năm 2020 Hà Thế H đến nhờ T, sau khi thống nhất H đưa trước cho T 9.000.000 đồng, ảnh và bản photo chứng minh nhân dân, còn lại 6.000.000 đồng khi nào nhận giấy phép lái xe sẽ trả. Sau khi nhận tiền từ B và H thì T đã liên hệ với Lưu Bá D để đăng ký thi cho B và H đồng thời T đã chuyển trước cho D 8.000.000 đồng để đặt cọc. Tuy nhiên, do hồ sơ không đủ điều kiện nên D đã không đăng ký thi cho B và H, D đã chuyển trả lại cho T số tiền đặt cọc 8.000.000 đồng. Do thời gian lâu chưa thấy được đi thi nên B đã giục T. Đến khoảng tháng 02/2021, T lên mạng Internet vào tài khoản Facebook (không nhớ tên tài khoản) để tìm đặt làm giấy phép lái xe và hồ sơ giả hạng C sau đó đưa cho B và nhận thêm từ B số tiền 6.400.000 đồng, T nói với B là phát sinh thêm 1.400.000 đồng là tiền nhờ người thi hộ, T cam đoan với B đây là giấy phép lái xe thật.

Khoảng tháng 02/2021, có một số người đến hỏi nhờ T làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và A2, vì háo hức nên T lên mạng Internet tìm hiểu và liên hệ để làm giấy phép lái xe giả mục đích để làm giấy phép lái xe cho những ai có nhu cầu rồi kiếm lời. T sử dụng mạng xã hội Facebook của mình có tên “Le T” để tìm kiếm và nhắn tin vào một số địa chỉ Facebook của các đối tượng làm giấy phép lái xe giả gồm các địa chỉ: Bảng Lái Xe Vip, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe, H Gplx 0966818977, THANH H BLX, Trung tâm - Trường đào tạo, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe Tuấn A. T trao đổi, thỏa thuận với những tài khoản trên thống nhất giá 1.300.000 đồng/01 giấy phép lái xe hạng A1; 1.400.000 đồng/01 giấy phép lái xe hạng A2, sẽ có đầy đủ hồ sơ với điều kiện chỉ cần chụp ảnh chứng minh nhân dân và ảnh chân dung, khoảng 5 đến 7 ngày sẽ nhận được giấy phép lái xe, khi nhận giấy phép lái xe mới giao tiền cho nhân viên giao hàng. Sau khi tìm được nơi làm giấy phép lái xe giả thì T đã đứng ra nhận làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A2 cho nhiều người với giá là 1.800.000 đồng/01 giấy phép lái xe hạng A1 và 2.200.000 đồng/01 giấy phép lái xe hạng A2, qua đó T kiếm lời 500.000 đồng/01 giấy phép lái xe hạng A1 và 800.000 đồng/01 giấy phép lái xe

hạng A2, có 01 trường hợp Lò Thị Ngọc H là con gái của T nên làm không có lợi nhuận. T nói với những người đến đăng ký là làm giấy phép lái xe thật, có cả hồ sơ gốc, quét được mã QR nhưng không phải đi thi mà chỉ cần cung cấp ảnh chân dung, chứng minh nhân dân và đưa tiền cho T.

Để giao dịch nhận giấy phép lái xe, hồ sơ thi cấp giấy phép lái xe và trả tiền cho các tài khoản mạng xã hội đã làm giấy phép lái xe giả, Lê Văn T đã sử dụng dịch vụ chuyển phát J&T với số điện thoại đăng ký nhận bưu phẩm là 0976.154.798. Sau khi nhận được giấy phép lái xe giả kèm hồ sơ T đã chuyển cho những người đã đăng ký làm giấy phép lái xe còn bao bì bưu phẩm T thu lại rồi đốt hết đi để tránh bị phát hiện. Tính đến ngày 13/3/2021, T đã nhận 03 gói hàng với tổng số 26 giấy phép lái xe và hồ sơ của: Khoảng Văn H, sinh năm 1974; Điều Thị N, sinh năm 1978; Quảng Thị Đ, sinh năm 1994; Tòng Thị D, sinh năm 1982; Mào Thị O, sinh năm 1985; Lò Thị V, sinh năm 1983; Lò Thị Q, sinh năm 1997; Khoảng Thị T, sinh năm 1978; Lò Thị Q, sinh năm 1992; Điều Thị P, sinh năm 1997; Lò Thị V, sinh năm 1977; Điều Chính B, sinh năm 1996; Lò Thị N, sinh năm 1981; Lò Thị N, sinh năm 1999; Lò Thị Ngọc H, sinh năm 1999; Khoảng Thị Y, sinh năm 1978. Cùng trú tại: Bản N, xã Nậm Nèn, huyện M, tỉnh Điện Biên; Lò Thị Q, sinh năm 1994, Lò Văn Q, sinh năm 1984; Khoảng Văn H, sinh năm 1985; Khoảng Thị H, sinh năm 1978; Sìn Văn T, sinh năm 1989; Cao Đăng T, sinh năm 1973; Lò Thị V, sinh năm 2002, Khoảng Thị Q, sinh năm 1983; Điều Thị N, sinh năm 1987; Cùng trú tại: Bản P, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên; Lý Văn P, sinh năm 1983, trú tại xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tổng số tiền T đã thanh toán cho nhân viên giao hàng là 19.100.000 đồng. Tiếp đó đến ngày 14/3/2021 và ngày 16/3/2021 có hai gói hàng chuyển đến cho T nhưng T từ chối nhận. Quá trình T nhận giấy phép lái xe và hồ sơ có 04 bộ hồ sơ của Cao Đăng T, Lý Văn P, Lò Thị Q, Điều Thị N bỏ trống nội dung trên tờ “BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ” T đã viết thêm nội dung vào biên bản rồi đưa cho người nhận với mục đích để cho hồ sơ đúng như thật tránh nghi ngờ, thắc mắc của người nhận. Ngày 15/3/2021, Lò Thị N, Lò Thị V, Khoảng Thị Q mang trả lại giấy phép lái xe và hồ sơ cho T, sợ bị trách nhiệm nên T đã đốt toàn bộ, riêng giấy phép lái xe của Lò Thị V đang cháy dở, hư hỏng một phần. Những người đã nhờ T làm giấy phép lái xe, sau khi phát hiện giấy phép lái xe là giả thì T đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận.

Tại Kết luận số 474 ngày 30/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Chữ viết tay (tại phần thí sinh ghi thông tin) trên 04 BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE MÔ TÔ và trên BẢN CAM KẾT, BẢN TỰ KHAI đứng tên Lê Văn T do một người viết ra. Chữ viết trên 02 trang vở Hải Tiến và trên BẢN CAM KẾT, BẢN TỰ KHAI đứng tên Lê Văn T do một người viết ra.

Tại Kết luận số 438 ngày 22/4/2021 và Kết luận số 904 ngày 05/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 23 Giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy phép lái xe hạng C là giấy phép lái xe giả; hình dấu tròn đỏ có chữ “SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI” trên 20 hồ sơ gửi giám định với mẫu hình dấu do Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên cấp không phải do một con

dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 382 ngày 07/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Đã tìm thấy 09 đoạn tin nhắn trao đổi trên ứng dụng Messenger giữa tài khoản Facebook: Le T với các tài khoản: Bằng Lái Xe Vip, Điều Trai Họ, H Gplx 0966818377, THANH H BLX, Trung tâm - Trường đào tạo, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe Tuần A, Vành N, Viu Lothi; 06 đoạn tin nhắn trao đổi trên ứng dụng Zalo giữa Tài khoản Zalo Thủy B (0906179998) với các tài khoản Zalo: B 6789, B Ngọc, Cà Phê Lom, Hoa Không Nở Màu, Lò Văn Void, Lưu Bá D; 01 tin nhắn văn bản gửi từ số điện thoại 0934657111. Các nội dung tin nhắn đều thể hiện việc trao đổi làm Giấy phép lái xe, gửi hình ảnh chân dung, giấy chứng minh nhân dân.

Tại Công văn số 730 ngày 02/4/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên xác định: Những hồ sơ cấp giấy phép lái xe mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đề nghị tra cứu không do cơ quan có thẩm quyền cấp cũng như không có trong dữ liệu quản lý của Sở. Những người ký tên trên giấy phép lái xe là những người không thuộc sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên và không có thẩm quyền ký tên trên giấy phép lái xe.

Tại Công văn số 1053 ngày 05/4/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai xác định: Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai không cấp và quản lý giấy phép lái xe số 10021106562 mang tên Lý Văn P, những chữ ký và tên cán bộ trên hồ sơ lái xe hoàn toàn không có thật, chữ ký và con dấu trên giấy phép lái xe nêu trên là photoshop.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 4 năm 06 tháng (*bốn năm sáu tháng*) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2021.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 03/12/2021 bị cáo Lê Văn T kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm. Và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, bị cáo không thực hiện hành vi làm giả con dấu của cơ quan tổ chức nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bố bị cáo phạm tội làm giả con dấu. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355

Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Do không đồng ý với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên; ngày 03/12/2021 bị cáo Lê Văn T đã làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T được thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 2 năm 2021 đến tháng 3 năm 2021, Lê Văn T đã sử dụng tài khoản Facebook Le T và Zalo của mình để nhận thông tin (ảnh chân dung và chứng minh thư) của những người có nhu cầu làm giấy phép lái xe, sau đó chuyển cho các tài khoản Facebook gồm: Bằng Lái Xe Vip, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe, Hùng Gplx 0966818977, THANH HOÀNG BLX, Trung tâm - Trường đào tạo, Trung Tâm Sát Hạch Lái Xe Tuấn A để đặt làm giả giấy phép lái xe. Lê Văn T đã đặt làm giả thành công 23 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho 23 người, hưởng lợi 11.000.000 đồng và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C, hưởng lợi 3.000.000 đồng. Bị cáo tự bổ sung thông tin vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô trong 04 hồ sơ của Cao Đăng T, Lý Văn P, Lò Thị Q, Điều Thị N.

Lời khai của bị cáo Lê Văn T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với các bản kết luận giám định số 474 ngày 30/4/2021, số 382 ngày 07/4/2021, số 438 ngày 22/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên. Công văn số 730 ngày 02/4/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên; Công văn số 1053 ngày 05/4/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T không có ý kiến khiếu nại gì về tội danh “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, điều luật áp dụng của bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo T đã từng phải học thi để được cấp giấy phép lái xe theo quy định và đã từng hướng dẫn người khác học lái xe và nhận thức rất rõ quy định của Nhà nước về cấp giấy phép lái xe nhưng chỉ vì muốn có tiền để chi dùng cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan Nhà nước (Giấy phép và hồ sơ lái xe). Bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã có thời gian chấp hành án để cải tạo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe của người khác, gây bức xúc trong nhân dân.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, do đó cần giữ nguyên, để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bị cáo không thực hiện hành vi làm giả con dấu của cơ quan tổ chức nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên bố bị cáo phạm tội làm giả con dấu.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành khởi tố, truy tố xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội Làm giả con dấu của cơ quan tổ chức là chưa chuẩn xác. Bởi vì tại Công văn số 730 ngày 02/4/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên xác định: Những hồ sơ cấp giấy phép lái xe mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đề nghị tra cứu không do cơ quan có thẩm quyền cấp cũng như không có trong dữ liệu quản lý của Sở. Những người ký tên trên giấy phép lái xe là những người không thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên và không có thẩm quyền ký tên trên giấy phép lái xe. Công văn số 1053 ngày 05/4/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai xác định: Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai không cấp và quản lý giấy

phép lái xe số 10021106562 mang tên Lý Văn P, những chữ ký và tên cán bộ trên hồ sơ lái xe hoàn toàn không có thật, chữ ký và con dấu trên giấy phép lái xe nêu trên là photoshop.

Tuy nhiên, theo Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định về: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;...

Mặc dù bị cáo Lê Văn T không thực hiện hành vi làm giả con dấu nhưng tài liệu bị cáo đã làm giả bao gồm 24 giấy phép lái xe giả và 04 bộ hồ sơ giả. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Khiếu nại này của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận và tuyên bố bị cáo phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” nhưng giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên nên bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê

Văn T 04 năm 06 tháng (bốn năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/7/2021.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/4/2022).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện M, tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện M, tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Lê Văn T;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ GDKT I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn